

Hiện đại hóa làng nghề theo hướng chiến lược tăng trưởng xanh ở một số tỉnh đồng bằng sông Hồng¹

TRẦN MINH YẾN
NGUYỄN XUÂN DŨNG

Địch phát triển kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh đang là mục tiêu chiến lược đã được đặt ra đối với khu vực nông nghiệp, nông thôn, trong đó có khu vực làng nghề. Bài viết phân tích thực trạng phát triển làng nghề vùng đồng bằng sông Hồng trong quá trình hiện đại hóa, đáp ứng yêu cầu của chiến lược tăng trưởng xanh, từ đó đưa ra một số giải pháp phát triển làng nghề theo hướng tăng trưởng xanh trong thời gian tới.

Từ khóa: làng nghề, hiện đại hóa làng nghề, tăng trưởng xanh.

1. Sự phát triển của làng nghề

Trong những năm gần đây, làng nghề ở khu vực đồng bằng sông Hồng đã tăng tương đối mạnh. Bình quân tốc độ phát triển làng nghề tăng từ 6% đến 15%/năm, trong số đó có những tỉnh, thành phố dẫn đầu về số lượng làng nghề không chỉ so với toàn vùng mà còn so với cả nước như: Hà Nội, Thái Bình, Hải Dương, Nam Định... Chỉ tính riêng khu vực thành phố Hà Nội, theo báo cáo của Sở Công thương Hà Nội, từ năm 2010 đến 2015, số lượng làng nghề đã tăng từ 1.280 lên đến 1.350 làng, trong đó có 287 làng nghề được công nhận, 250 làng thuần nông được cấy nghề và hiện nay các nghề này có xu hướng phát triển tốt như nghề gốm, sứ, sơn, mài, thêu ren... Giá trị sản xuất của các làng nghề trên địa bàn thành phố cũng ngày một tăng, năm 2015 đạt gần 14.000 tỷ đồng. Một số làng nghề có giá trị sản xuất cao như: Làng nghề dệt kim La Phù (Hoài Đức) đạt 810 tỷ đồng/năm; dệt, nhuộm Ý La (Hà Đông) đạt 410 tỷ đồng/năm; gốm sứ Bát Tràng 360 tỷ đồng/năm; chế biến nông sản thực phẩm Minh Khai (Hoài Đức) 179 tỷ đồng/năm... Thu nhập bình quân của người lao động tại các làng nghề cao hơn mức thu nhập bình quân của lao động thuần nông, đạt khoảng 35 triệu đồng/người/năm. Tại một số làng

nghề thuộc nhóm nghề gốm sứ, dệt lụa - là những làng nghề phát triển mạnh, cho thu nhập đạt tới 70 triệu đồng/người/tháng. Các làng nghề là khu vực tạo ra nhiều việc làm cho lao động nông thôn. Hiện nay, trung bình mỗi cơ sở doanh nghiệp tư nhân chuyên làm nghề tạo việc làm ổn định cho khoảng 27 lao động thường xuyên, 8-10 lao động thời vụ; các hộ gia đình chuyên nghề tạo việc làm cho 4-6 lao động thường xuyên và 2-5 lao động thời vụ. Ở những làng nghề thêu ren, dệt, mây tre đan, mỗi cơ sở có thể thu hút từ 200-250 lao động².

Đối với Thái Bình, phát triển nghề và làng nghề là một trong những nội dung trọng tâm trong chiến lược phát triển kinh tế của tỉnh. Toàn tỉnh đã có 245 làng nghề đã được UBND tỉnh cấp bằng công nhận với hàng trăm nghề, góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống nhân dân và ổn định

Trần Minh Yến, TS., Viện Kinh tế Việt Nam; Nguyễn Xuân Dũng, PGS.TS., Nhà xuất bản Khoa học xã hội.

1. Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài "Hiện đại hóa làng nghề theo chiến lược tăng trưởng xanh: trường hợp vùng Đồng bằng sông Hồng", mã số II.4.5-2012.21.

2. Báo cáo của Sở Công thương Hà Nội năm 2015.

xã hội. Bên cạnh đó, những nghề mới được đưa vào cũng có chiều hướng phát triển tốt như nghề làm hương, đan lưới, dệt chiếu nilon... Phong trào phát triển nghề và làng nghề ở Thái Bình đã mang lại lợi ích kinh tế-xã hội khá lớn. Năm 2000, giá trị sản xuất (tính theo giá cố định 1994) của các làng nghề mới đạt 660 tỷ đồng, đến năm 2005 đạt 1.408 tỷ đồng, năm 2010 đạt 2.520 tỷ đồng; năm 2014 đạt 7.127 tỷ đồng, chiếm 20,8% tổng giá trị sản xuất của toàn ngành công nghiệp, giải quyết việc làm cho hàng vạn lao động nông thôn. Năm 2014, giải quyết việc làm cho hơn 150.000 người. Nhiều nơi, giá trị sản xuất của nghề và làng nghề chiếm từ 45-50% trong tổng giá trị sản xuất của các ngành kinh tế, đưa tốc độ phát triển kinh tế địa phương thời gian qua tăng bình quân 13-14%/năm, như ở các xã: Thái Phương, Canh Tân, Tân Lễ (Hưng Hà); Hồng Thái, Lê Lợi (Kiến Xương); Vũ Hội, Nguyên Xá (Vũ Thư).³

Tỉnh Bắc Ninh là một trong những địa phương có làng nghề phát triển mạnh. Đến nay, toàn tỉnh có 62 làng nghề, chủ yếu trong các lĩnh vực như đồ gỗ mỹ nghệ xuất khẩu, sản xuất giấy, gốm, sắt, thép tái chế, đúc đồng...; trong đó có 31 làng nghề truyền thống và 31 làng nghề mới, (chiếm khoảng 10% tổng số làng nghề truyền thống của cả nước), thu hút hơn 76 nghìn lao động và đóng góp gần 8% GDP của tỉnh. Các làng nghề tập trung chủ yếu ở 3 huyện Từ Sơn, Yên Phong và Gia Bình (3 huyện này có 42 làng nghề, chiếm gần 68% số làng nghề của tỉnh). Nhiều làng nghề của Bắc Ninh như: gỗ Đông Ky, gốm Phù Lãng, đúc đồng Đại Bái, tranh Đông Hồ... có từ lâu đời và nổi tiếng cả trong và ngoài nước.⁴

Vĩnh Phúc cũng là tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Hồng có nhiều làng nghề. Việc phát triển làng nghề được xác định là nhiệm vụ quan trọng trong kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 77 làng nghề, gồm cả làng nghề mới và làng nghề truyền thống, trong đó có 22 làng nghề được công nhận, 55 làng nghề và

làng có nghề mới, với 19.300 cơ sở ngành nghề, và nhiều nhóm nghề khác nhau như: gốm, mộc, mây tre đan, chế tác đá, rèn, chế biến bông vải sợi, chế biến lương thực, thực phẩm... các cơ sở này đã tạo việc làm cho khoảng 55.000 đến 60.000 lao động nông thôn, số hộ tham gia làm nghề trong các làng nghề chiếm tới 50-80% tổng số hộ dân, tổng giá trị hàng hóa sản xuất ra đạt tới trên 2.000 tỷ đồng, góp phần quan trọng vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động nông thôn, nâng cao thu nhập cho người lao động.⁵

2. Hiện đại hóa làng nghề theo hướng chiến lược tăng trưởng xanh

2.1. Tăng trưởng xanh là gì?

Ở Việt Nam, khái niệm tăng trưởng xanh được hiểu là sự tăng trưởng dựa trên quá trình thay đổi mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu nền kinh tế nhằm tận dụng lợi thế so sánh nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế thông qua việc nghiên cứu và áp dụng công nghệ tiên tiến, phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng hiện đại để sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, giảm khí thải nhà kính, ứng phó với biến đổi khí hậu, góp phần xóa đói giảm nghèo và tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế một cách bền vững.

Mục tiêu trong chiến lược tăng trưởng xanh là: (1) khuyến khích các ngành kinh tế sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên với giá trị gia tăng cao, hạn chế tiến tới xóa bỏ những ngành sử dụng lãng phí tài nguyên thiên nhiên, gây ô nhiễm môi trường; (2) ứng dụng và phát triển công nghệ hiện đại nhằm sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, giảm phát thải khí nhà kính, góp phần ứng phó hiệu quả với vấn đề biến đổi khí hậu; (3) nâng cao đời sống nhân dân thông qua việc tạo thêm việc làm từ các ngành công nghiệp

3. Báo cáo của Sở Công thương Thái Bình, năm 2014.

4. Báo cáo của UBND tỉnh Bắc Ninh, năm 2014.

5. Báo cáo của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Vĩnh Phúc, năm 2014.

xanh và cải thiện chất lượng cuộc sống thông qua việc xây dựng lối sống thân thiện với môi trường.

Trong quá trình phát triển khu vực làng nghề những năm trước đây, khái niệm tăng trưởng xanh chưa được đề cập đến. Tuy nhiên, phát triển bền vững là nội dung cốt lõi luôn luôn được nhấn mạnh trong các chủ trương, đường lối phát triển kinh tế-xã hội của nước ta, mà trong đó chiến lược tăng trưởng xanh là một bộ phận quan trọng. Vì vậy, các làng nghề đã từng bước thực hiện tiến hành hiện đại hóa theo hướng phát triển bền vững và đã thể hiện được ở một số nội dung cụ thể như sau:

2.2. *Đổi mới công nghệ*

Công nghệ sản xuất có ảnh hưởng rất lớn đến sự tồn tại và phát triển của làng nghề. Đổi mới công nghệ để khắc phục những yếu kém, lạc hậu trong sản xuất, nâng cao năng suất và hiệu quả kinh tế, giải quyết những vấn đề nghiêm trọng của ô nhiễm môi trường là nhiệm vụ quan trọng của mỗi làng nghề.

Những thành công trong đổi mới công nghệ làng nghề đã đem lại nhiều kết quả đáng khích lệ. Tại làng nghề gốm Bát Tràng, các cơ sở sản xuất, với hơn 90% cơ sở trong làng, đã áp dụng công nghệ mới, tiên tiến là chuyển từ lò nung bằng than, hoặc lò ga cũ, sang sử dụng lò nung bằng ga hiện đại, giúp giảm tiêu hao năng lượng, giảm thiểu tình trạng ô nhiễm. Việc sử dụng lò ga hiện đại đã giúp cho người sản xuất chủ động hoàn toàn về quy trình kỹ thuật, do vậy, không chỉ giảm tỷ lệ tiêu hao năng lượng tới 30%, lợi nhuận tăng gấp 2 đến 3 lần, mà còn giúp cho sản phẩm có chất lượng cao, đạt tới 95-98% so với mức 60-70% trước kia. Tuy chưa đạt được hiệu quả một cách tối đa, song việc thực hiện đại hóa công nghệ sản xuất đã thực sự đem lại cho làng nghề Bát Tràng sự phát triển theo hướng bền vững, giảm thiểu rất nhiều ô nhiễm môi trường⁶.

Tại làng nghề gỗ Đồng Kỵ, nhiều khâu của quá trình sản xuất đã được hiện đại hóa, đem lại năng suất và hiệu quả kinh tế cao. Thay vì phải làm thủ công các công đoạn như đục, xẻ gỗ, nay làng nghề này đã đầu tư hơn 1000 máy đục vi tính, hơn 1.000 máy xẻ gỗ vi tính, cho năng suất và độ chính xác cao⁷.

Một chương trình nằm trong Dự án kiểm soát ô nhiễm môi trường làng nghề do Tổng cục Môi trường triển khai với định hướng giảm thiểu ô nhiễm bụi gỗ phát sinh từ các làng nghề chế biến gỗ, đã được triển khai tại làng nghề gỗ Vân Hà, huyện Đông Anh, Hà Nội. Máy xử lý bụi gỗ do Công ty CP Công nghệ thân thiện môi trường Bách khoa (Đại học Bách khoa Hà Nội) thiết kế có công suất 1.000m³/giờ. Công nghệ này đã cho thấy hiệu quả tích cực, mở ra hướng phát triển bền vững cho làng nghề chế biến gỗ. Hiệu suất lọc bụi đạt được tới 99%, nghĩa là xử lý được hầu như toàn bộ lượng bụi thải ra trong quá trình chà và mài trước khi ra thành phẩm, nhờ đó giảm thiểu được không khí từ bụi gỗ với hiệu quả rất cao.

2.3. *Phát triển cụm công nghiệp làng nghề*

Theo báo cáo của Sở Công thương thành phố Hà Nội, hiện nay, tổng số cụm công nghiệp làng nghề là 107 cụm. Số cụm công nghiệp này đã phân nào giải tỏa được áp lực về mặt bằng sản xuất cho các làng nghề. Đồng thời vấn đề môi trường cũng đã được bản thân các cơ sở sản xuất tại làng nghề xử lý, khắc phục. Do vậy, môi trường tại một số làng nghề có ô nhiễm nghiêm trọng đã được cải thiện.

Một trong những chính sách cơ bản của Bắc Ninh là: coi khuyến khích hỗ trợ xây dựng và phát triển làng nghề, ngành nghề là khâu đột phá trên diện rộng nhằm đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn. Trong đó, việc khuyến khích

6. Kết quả khảo sát của đề tài.

7. Kết quả khảo sát của đề tài.

phát triển các cụm công nghiệp làng nghề và đa nghề, quy hoạch lại các cơ sở sản xuất nằm lẫn trong khu vực dân cư và có chính sách ưu đãi các doanh nghiệp vào cụm công nghiệp. Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới thiết bị công nghệ, kết hợp yếu tố cổ truyền với hiện đại. Đó là một hướng đi đúng đắn để vừa phát triển sản xuất, vừa xử lý các vấn đề môi trường làng nghề. Đến nay, đã có 9 cụm công nghiệp làng nghề đi vào hoạt động. Tuy nhiên, kết quả thực hiện chưa đạt được như mục tiêu đề ra, nhất là mục tiêu về giảm thiểu ô nhiễm môi trường, do các công trình hạ tầng và các công trình xử lý ô nhiễm còn chắp vá, thiếu đồng bộ

3. Một số bất cập

3.1. Quy mô sản xuất nhỏ bé

Tại các làng nghề, quy mô và mặt bằng sản xuất hầu hết đều rất nhỏ so với yêu cầu của sự phát triển, thường gắn với mô hình hộ gia đình, tận dụng không gian của gia đình làm nhà xưởng, vừa làm nơi ở, vừa làm nơi sản xuất. Khảo sát ở một số làng nghề cho thấy, 70% số nhà xưởng không đáp ứng được yêu cầu sản xuất của các hộ, không đảm bảo yêu cầu về an toàn sản xuất và an toàn lao động, đồng thời tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm môi trường rất lớn. Diện tích đất dành cho sản xuất của các làng nghề bình quân mới đáp ứng được khoảng 25-30%. Tại làng nghề gốm Bát Tràng, nhu cầu về mặt bằng sản xuất của mỗi hộ là 500 m²/hộ, và mỗi doanh nghiệp thuộc làng nghề là 2.000 m²/doanh nghiệp, nhưng hiện nay diện tích của mỗi hộ bình quân chỉ khoảng 150 - 200 m², trong đó bao gồm cả nơi ở, sinh hoạt và nơi sản xuất, và khoảng 500-700 m²/doanh nghiệp. Làng nghề Đồng Kỵ có khoảng 3.000 hộ tham gia sản xuất, kinh doanh đồ gỗ mỹ nghệ, bình quân mỗi hộ chỉ có khoảng 120 m² vừa là nhà xưởng sản xuất, vừa là nơi ở. Cơ sở sản xuất ở các làng nghề vùng đồng bằng sông Hồng phần lớn đều có diện tích như vậy. Hiện nay, việc mở rộng mặt bằng

sản xuất lại càng khó khăn khi quỹ đất không thể mở rộng hơn được nữa. Mặt bằng chật hẹp là trở ngại rất lớn cho việc đầu tư thiết bị tiên tiến, ứng dụng khoa học-kỹ thuật cho sản xuất và xử lý ô nhiễm môi trường⁸.

3.2. Công nghệ sản xuất lạc hậu

Nhiều cơ sở sản xuất sử dụng các máy móc do tự chế tạo, tự lắp ráp, hoặc chuyển đổi công năng, hoặc do các doanh nghiệp khác thanh lý, hoặc nhập khẩu từ nước ngoài với công nghệ cũ kỹ... Theo thống kê của Sở Công thương Hà Nội, trên 70% số thiết bị được sử dụng tại các làng nghề Hà Nội là máy móc, thiết bị đơn giản, phần lớn trong số đó không đảm bảo an toàn. Mỗi làng nghề có những đặc thù riêng, nên việc áp dụng công nghệ có những điểm khác nhau, song nhìn chung vẫn là công nghệ bán cơ giới hóa, vừa sử dụng máy móc, vừa sử dụng công nghệ thủ công truyền thống. Thực tế trong các làng nghề sản xuất thép, rất nhiều lò nấu thép được nhập khẩu từ Trung Quốc là thiết bị sản xuất từ năm 1997 trở về trước do các nhà sản xuất Trung Quốc thải ra nên công suất nhỏ, tiêu hao điện năng lớn, khó điều chỉnh các chỉ số về cơ, lý tính trong thành phần cấu tạo thép dẫn đến chất lượng phôi đúc không cao. Các cơ sở sản xuất gỗ có sử dụng hệ thống máy cưa, máy bào, máy đánh bóng đã cũ... nhưng không lắp đặt hệ thống hút bụi gây phát sinh nồng độ bụi trong không khí rất cao. Làng nghề dệt vải, tái chế giấy, người dân sử dụng các loại chất nhuộm, thuốc nhuộm, chất tẩy rửa tổng hợp... khó phân hủy trong môi trường tự nhiên. Đây là một trong những hạn chế rất lớn của sản xuất ở làng nghề, nó không chỉ làm cho năng suất, chất lượng và giá trị hàng hóa thấp đi, khả năng cạnh tranh của sản phẩm kém, mà điều đáng quan tâm là gây ô nhiễm môi trường ngày càng trầm trọng.

8. Số liệu khảo sát làng nghề của đề tài, 2014.

Hiện đại hóa làng nghề ...

BẢNG 1: Công nghệ sản xuất của một số làng nghề tỉnh Bắc Ninh

Đơn vị tính: %

Tên Làng nghề	Công nghệ sản xuất			Nguồn gốc công nghệ		
	Truyền thống	Hiện đại	Kết hợp	Trong nước	Ngoài nước	Kết hợp
Phù Lãng (gốm)	83,33	0,00	16,67	100,00	0,00	0,00
Phong Khê (giấy)	57,89	21,05	21,05	75,00	25,00	0,00
Châu Khê (sắt thép)	43,48	39,13	17,39	63,33	23,33	13,33
Hương Mạc (gỗ)	50,00	50,00	0,00	53,33	13,34	33,33

Nguồn: Số liệu khảo sát làng nghề của đề tài, 2014.

3.3. Vốn đầu tư thấp

Hiện nay các chính sách về vốn đầu tư, tín dụng đã có nhiều đổi mới, góp phần tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho các hộ gia đình và các doanh nghiệp trong làng nghề phát triển, mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ. Một số chính sách tín dụng ngân hàng phục vụ phát triển nông nghiệp và nông thôn đã quy định việc Nhà nước hỗ trợ tài chính dưới hình thức tín dụng ngân hàng với lãi suất ưu đãi, góp phần mở rộng phạm vi và cơ hội tiếp cận nguồn vốn tín dụng hỗ trợ cho các hộ và doanh nghiệp tại các làng nghề. Bên cạnh đó, các cơ sở kinh doanh trong các làng nghề còn được Quỹ hỗ trợ phát triển cho vay tín dụng đầu tư, hỗ trợ lãi suất đầu tư, bảo lãnh tín dụng đầu tư. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, khả năng tích lũy để đầu tư phát triển sản xuất của các cơ sở còn thấp và khả năng tiếp cận các nguồn vốn chính thức hay bán chính thức còn hạn hẹp; sự liên kết kinh tế với các đơn vị kinh tế khác còn yếu, chưa linh hoạt. Các cơ sở sản xuất nhỏ và nguồn vốn tự có hạn chế, không có kinh phí để đầu tư mở rộng sản xuất, đầu tư hệ thống xử lý chất thải để giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Tại các làng nghề sản xuất đồ gỗ, một máy xẻ vi tính giá từ vài trăm cho đến một tỷ đồng tùy theo công suất của từng loại máy. Muốn giảm thiểu ô nhiễm cần phải có phòng phun sơn riêng. Tuy nhiên, giá trị một phòng phun sơn hiện nay là từ 200 đến 300 triệu đồng.

Tại các làng nghề gốm, ví dụ làng nghề gốm Bát Tràng, đầu tư cho một lò nung bằng ga khoảng 400 đến 500 triệu đồng. Để mở rộng quy mô sản xuất và xử lý ô nhiễm môi trường tập trung, Bát Tràng đã chủ trương di chuyển các cơ sở sản xuất vào cụm công nghiệp làng nghề. Tuy nhiên, vốn đầu tư cho việc di chuyển một cơ sở sản xuất vào cụm công nghiệp là khoảng 10 tỷ đồng, bao gồm: tiền thuê đất, xây dựng nhà xưởng, đầu tư trang thiết bị... Trong khi đó, mỗi cơ sở chỉ vay được khoảng 100 triệu đồng. Đây là một trong những khó khăn cơ bản đối với quá trình hiện đại hóa làng nghề theo hướng tăng trưởng xanh⁹.

3.4. Ô nhiễm môi trường nặng nề

Một thực tế đã diễn ra ở hầu hết các làng nghề vùng đồng bằng sông Hồng, đó là sự mâu thuẫn rất lớn giữa phát triển sản xuất của làng nghề với môi trường, sản xuất càng phát triển, năng suất lao động càng cao thì ô nhiễm môi trường càng nặng. Ô nhiễm môi trường làng nghề thể hiện ở các dạng: ô nhiễm không khí, nước và đất. Ô nhiễm không khí tại các làng nghề chủ yếu từ việc sử dụng các loại hóa chất, than, củi. Các làng nghề tái chế kim loại, sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ là những ngành gây ra ô nhiễm lớn nhất. Các chất thải bụi, khói, khí độc đã thải vào không khí với hàm lượng cao gấp

9. Báo cáo của UBND xã Bát Tràng, năm 2014.

nhiều lần cho phép. Ô nhiễm nước diễn ra đặc biệt nghiêm trọng do khối lượng nước thải của các làng nghề là rất lớn, hầu hết lại chưa qua xử lý mà được xả thẳng ra hệ thống sông ngòi, kênh rạch. Ngoài ra, chất thải rắn ở hầu hết các làng nghề chưa được thu gom và xử lý triệt để gây tác động xấu tới cảnh quan môi trường, gây ô nhiễm môi trường không khí, nước và đất. Khảo sát ô nhiễm tại làng tái chế giấy Phong Khê, mỗi ngày làng nghề này đã thải ra môi trường khoảng 4.500 - 5.000 m³ nước thải chứa lượng độc tố cao gấp hàng chục lần, thậm chí hàng trăm lần tiêu chuẩn cho phép như: hàm lượng chất rắn lơ lửng cao hơn từ 4,5 - 11 lần; hàm lượng COD cao hơn từ 8 - 500 lần; hàm lượng Pb cao hơn 5,5 lần..., hầu hết các chỉ số ô nhiễm môi trường trong mẫu bùn ở đáy sông Ngũ Huyện Khê, đoạn đi qua làng nghề Phong Khê đều cao hơn so với đoạn trước khu vực làng nghề từ 1 - 2 lần, có đoạn vượt từ 6,8 - 8 lần, thậm chí hàng trăm lần tiêu chuẩn cho phép. Ô nhiễm không khí, nước và đất ở các làng nghề sẽ còn diễn biến phức tạp nếu không kịp thời và cương quyết áp dụng các giải pháp quản lý và kỹ thuật.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng ô nhiễm môi trường làng nghề. Trước hết có thể nói là do ý thức người dân chưa cao. Nhiều người biết rõ mức độ nguy hiểm của việc gây ô nhiễm nhưng vẫn vi phạm, trong khi đó, cơ quan quản lý nhà nước lại chưa chú trọng việc kiểm tra, giám sát và xử lý. Bên cạnh đó, nguồn kinh phí đầu tư cho công tác xử lý và khắc phục ô nhiễm môi trường làng nghề còn hạn chế, hầu hết các cơ sở sản xuất, hộ gia đình không có kinh phí đầu tư cho hệ thống xử lý nước thải, khí thải, thu gom phân loại chất thải rắn... Cùng với đó là thiết bị, công nghệ sản xuất ở các làng nghề lạc hậu, cũ kỹ, mặt bằng sản xuất chật hẹp, trình độ người lao động còn hạn chế

3.5. Sức khỏe bị ảnh hưởng nghiêm trọng

Theo số liệu khảo sát của Tổng cục Môi trường, nguy cơ mà người lao động tiếp xúc với ô nhiễm môi trường là khá cao: 95%

người lao động có nguy cơ tiếp xúc với bụi, 85,9% người lao động có nguy cơ tiếp xúc với nhiệt, 59,6% người lao động có nguy cơ tiếp xúc với hóa chất. Chính vì vậy, tỷ lệ người mắc bệnh tại các làng nghề đang có xu hướng gia tăng trong những năm gần đây, tập trung vào một số bệnh, như: các bệnh ngoài da, bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, thần kinh, bệnh phụ khoa và các bệnh về mắt... Đặc biệt, tỷ lệ người mắc bệnh ung thư tương đối cao ở một số làng nghề. Các kết quả nghiên cứu cho thấy, tuổi thọ trung bình của người dân tại các làng nghề ngày càng giảm đi, thấp hơn 10 năm so với tuổi thọ trung bình toàn quốc và thấp hơn từ 5 đến 10 năm so với làng không làm nghề. Các đối tượng mắc bệnh của làng nghề cao hơn hẳn so với khu vực làng thuần nông. Tại các làng nghề sản xuất, tái chế kim loại, tỷ lệ người mắc bệnh liên quan đến thần kinh, hô hấp, ngoài da, ung thư chiếm tới 60% dân số. Tại các làng nghề chế biến nông sản thực phẩm, bệnh về đường tiêu hóa chiếm 8-30%, bệnh viêm da chiếm 4,5-23%, bệnh về đường hô hấp chiếm 6-18%.

Ô nhiễm môi trường làng nghề còn gây ảnh hưởng trực tiếp tới các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của chính làng nghề đó, gây ra những tổn thất kinh tế không nhỏ và dẫn đến những xung đột môi trường trong cộng đồng.

4. Một số giải pháp phát triển làng nghề theo hướng tăng trưởng xanh

- *Tuyên truyền, nâng cao ý thức, nhận thức của người dân trong việc phát triển sản xuất đi đôi với gìn giữ và bảo vệ môi trường trong làng nghề: đây là giải pháp cần được coi trọng, trước hết là cung cấp các thông tin đầy đủ và thương xuyên về những vấn đề cấp thiết thuộc lĩnh vực môi trường, những hậu quả nghiêm trọng của ô nhiễm môi trường tác động tới sức khỏe, đời sống của người dân trong làng nghề cũng như trong cộng đồng. Đồng thời, tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng cho các cán bộ phụ trách về môi trường ở các làng nghề.*

- *Áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến:* nhằm phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động, đồng thời xử lý các vấn đề về môi trường do sản xuất của làng nghề gây ra. Khuyến khích các cơ sở sản xuất đổi mới công nghệ để phát triển sản xuất theo hướng thân thiện với môi trường, tái sử dụng chất thải, áp dụng các giải pháp sản xuất sạch hơn để vừa giảm thiểu lượng phát thải, vừa mang lại hiệu quả kinh tế cao. Ưu tiên việc ứng dụng công nghệ đơn giản, dễ vận hành, dễ chuyển giao, vốn đầu tư cũng như chi phí vận hành thấp, phù hợp với điều kiện sản xuất của làng nghề.

- *Tăng cường vốn đầu tư:* đây là giải pháp quan trọng mà trước hết đầu tư để xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng, xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề, hỗ trợ vốn để giúp các cơ sở sản xuất trong làng nghề áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật nhằm giảm thiểu ô nhiễm, hỗ trợ các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng di chuyển ra khỏi khu dân cư đến cụm công nghiệp tập trung, hỗ trợ vốn cho các tổ chức, cá nhân đứng ra thu gom, xử lý ô nhiễm môi trường

- *Xây dựng các quy hoạch, cơ chế, chính sách nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường:* xây dựng và triển khai thực hiện các quy hoạch, kế hoạch nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường như: quy hoạch đất đai nhằm mở rộng mặt bằng sản xuất; quy hoạch các khu, cụm công nghiệp; quy hoạch nghề và làng nghề; kế hoạch di dời các cơ sở gây ô nhiễm ra khỏi khu dân cư...; Có quy định thu phí bảo vệ môi trường trên nguyên tắc

người gây ô nhiễm phải có trách nhiệm đóng góp tài chính để khắc phục ô nhiễm môi trường và cải thiện ô nhiễm môi trường; Phải có quy định về bảo vệ môi trường làng nghề, quy định xử phạt hành chính đối với những đối tượng gây ô nhiễm; Đầu tư xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề tại một số làng nghề gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

- *Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường,* tạo cơ sở pháp lý và cơ chế, chính sách khuyến khích cá nhân, tổ chức, và cộng đồng tham gia công tác bảo vệ môi trường; khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia các dịch vụ thu gom, xử lý, vận chuyển chất thải; chú trọng tới việc xây dựng và thực hiện quy ước, hương ước của làng, xã về bảo vệ môi trường trong làng nghề.../.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo của UBND các tỉnh Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Thái Bình.
2. Báo cáo của các Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở Công thương, Sở Tài nguyên - môi trường, Sở Khoa học và công nghệ Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Thái Bình.
3. Kết quả điều tra, khảo sát của đề tài "Hiện đại hóa làng nghề theo chiến lược tăng trưởng xanh: trường hợp vùng đồng bằng sông Hồng", mã số II.4.5-2012.21.
4. Một số trang điện tử:
 - langnghevietnam.vn
 - ipsard.gov.vn
 - vietnamplus.vn
 - hanoimoi.com.vn
 - vneconomy.vn